

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819708] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2303A)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 15

Số bài thi:15

Số tờ giấy thi: 15

Hau
Ng. Thị Hạnh Bùi Quốc Phách Hau
Ng. Thị Hạnh Bùi Quốc Phách

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121030002	Nguyễn Trường Duy	24/05/2003	CCQ2103A		B	8.8	8.0	8.3
2	2121030023	Ngô Cẩm Huy	25/10/2003	CCQ2103A		Huy	7.0	6.0	6.4
3	2123030034	Đỗ Minh Thành	07/12/2005	CCQ2303A		Đ	8.2	7.0	7.5
4	2123030040	Bùi Ngọc Tiến	28/08/2004	CCQ2303B			1.7	0	0.7
5	2123030054	Phan Đình Tiền	22/07/2005	CCQ2303B		Viên	6.7	6.0	6.3
6	2123030046	Nguyễn Bảo Toàn	27/08/2005	CCQ2303B			2.0	0	0.8
7	2123030028	Trần Thanh Toàn	29/07/2004	CCQ2303A		T	6.7	6.0	6.3
8	2123030019	Trương Nhật Trang	20/11/2005	CCQ2303A			2.0	0	0.8
9	2123030020	Lê Trần Minh Triệu	11/08/2005	CCQ2303A			2.0	0	0.8
10	2123030057	Đặng Văn Trường	02/04/2005	CCQ2303B		Tg	5.3	6.0	5.7
11	2123030017	Nguyễn Trọng Trường	17/05/2004	CCQ2303A		Phách	5.0	5.0	5.0
12	2123030013	Trần Khánh Trường	03/03/2005	CCQ2303A		T	5.3	6.0	5.7
13	2123030030	Ngô Ngọc Tuấn	11/09/2005	CCQ2303A		T	6.5	6.5	6.5
14	2123030255	Lê Quốc Việt	14/04/2004	CCQ2303B		V	6.0	5.0	5.4
15	2123030072	Hà Văn Vinh	04/05/2005	CCQ2303B		V	6.0	5.0	5.4
16	2123030003	Mai Quốc Vinh	23/12/2005	CCQ2303A		V	7.2	6.0	6.5
17	2123030069	Nguyễn Hoàng Vũ	01/05/2005	CCQ2303B		V	7.8	6.5	7.0
18	2123030027	Phạm Thành Vương	10/05/2005	CCQ2303A		V	5.7	5.0	5.3
19	2123030208	Phan Quốc Vương	02/09/2005	CCQ2303D		V	6.0	6.0	6.0
20	2123030115	Nguyễn Thế Ý	13/04/2005	CCQ2303D			2.3	0	1.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Trần Thế Hoàng Nguyễn Chí

Môn học : [22819703] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2303C)
CBGD: Trần Thế Hoàng (280004)

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123030080	Nguyễn Thái Bình	31/03/2005	CCQ2303C		B. B. B.	8,2	9,0	8,7
2	2123030091	Đỗ Văn Dâm	20/11/2004	CCQ2303C		Đ. V. D.	7,3	7,0	7,1
3	2123030104	Hoàng Minh Đạt	01/01/2005	CCQ2303C					
4	2123030079	Ngô Tiến Đạt	29/01/2004	CCQ2303C		N. T. D.	6,5	4,0	5,0
5	2123030099	Võ Tấn Dũng	01/06/2005	CCQ2303C		V. T. D.	7,8	8,5	8,2
6	2123030093	Trần Thanh Duy	20/12/2005	CCQ2303C		T. T. D.	5,7	9,0	7,7
7	2123030083	Lê Công Hậu	08/11/2005	CCQ2303C		L. C. H.	8,3	8,5	8,4
8	2123030095	Châu Thành Hiệp	13/10/2005	CCQ2303C		C. T. H.	7,0	6,0	6,4
9	2123030078	Nguyễn Thọ Hùng	19/03/2005	CCQ2303C					
10	2123030092	Nguyễn Trương Hữu	23/03/2005	CCQ2303C		N. T. H.	8,2	6,0	6,9
11	2123030087	Trần Quốc Huy	21/09/2005	CCQ2303C		T. Q. H.	6,5	4,0	5,0
12	2123030089	Trần Mai Khải	15/12/2005	CCQ2303C		T. M. K.	7,3	8,0	7,7
13	2123030103	Nguyễn Đăng Khoa	25/10/2005	CCQ2303C		N. D. K.	6,5	4,0	5,0
14	2123030077	Quách Phong Khôi	12/07/2005	CCQ2303C		Q. P. K.	6,5	4,0	5,0
15	2123030101	Nguyễn Duy Lâm	14/04/2005	CCQ2303C		N. D. L.	9,0	9,0	9,0
16	2123030088	Nguyễn Tấn Phát	25/09/2005	CCQ2303C		N. T. P.	7,0	8,0	7,6
17	2123030107	Phạm Thanh Phú	20/10/2004	CCQ2303C		P. T. P.	6,2	7,0	6,7
18	2123030073	Nguyễn Thái Anh Quân	01/09/2005	CCQ2303C		N. T. A.	7,5	8,5	8,1
19	2123030102	Lý Công Quý	06/06/2005	CCQ2303C		L. C. Q.	6,8	6,0	6,3
20	2123030085	Trần Hoàng Minh Tâm	28/03/2005	CCQ2303C		T. H. M.	7,8	8,0	7,9